

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoa
- Ông Lê Thành Thanh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

(Chị N xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức cưới. Có đăng ký kết hôn ngày vào ngày 04/6/2018, tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo kinh tế gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nhiều người. Anh T đã bỏ nhà đi sống chỗ khác để trốn

chủ nợ. Chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm. Nay chị N không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 01/02/2020 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/8/2022. Hiện nay 02 con đang sống với chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Nguyễn Văn T hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 01/02/2020 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/8/2022 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Lê Thị Bích Ngân và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị Lê Thị Bích N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên đây là vụ án về *xin ly hôn, nuôi con* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tân Phú Đông. Chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị N

- Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị N cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo kinh tế gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc gây nợ. Anh T đã bỏ nhà đi chỗ khác sinh sống để trốn chủ nợ. Chị N nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Thời gian sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm. Nay chị N không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tổng đạt cho anh T Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không đến dự phiên tòa, là cố ý bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh chị cho chị N quyết định. Do đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

- Về con chung:

Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 01/02/2020 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/8/2022. Ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy, cháu Q và cháu P đang sống với chị N. Mặt khác 02 con của anh chị còn nhỏ tuổi, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con của anh chị cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị N trình bày vợ chồng không có sản chung và không có nợ chung.

[4] Về phát biểu của kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Chị Lê Thị Bích N, phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Văn T không nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:**1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N.
- Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

- Giao 02 con tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 01/02/2020 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/8/2022 cho chị Lê Thị Bích N tiếp tục nuôi dưỡng.
- Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Lê Thị Bích N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có**4. Về án phí:**

- Chị Lê Thị Bích N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001746 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, Chị Lê Thị Bích N đã nộp xong án phí.
- Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi